



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM - VIETNAM REGISTER PHÒNG TÀU BIỂN

SEA-GOING SHIP CLASSIFICATION AND REGISTRY DEPARTMENT

ĐỊA CHỈ ADDRESS 18 PHAM HUNG, HA NOI

TEL: (84) 4 37684701

FAX: (84) 4 37684722

Web site: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT- TECHNICAL INFORMATION

Ngày 12 tháng 11 năm 2009

Số thông báo: 043KT/09TB

Nội dung: Kiểm soát dầu cặn (dầu thải) theo quy định của Phụ lục I, Công ước MARPOL 73/78 và mẫu Sổ Nhật ký dầu của tàu (Nghị quyết MEPC.187(59)).

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu

Các Cơ quan thiết kế tàu biển

Các Nhà máy Đóng/ Sửa chữa tàu biển

Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Trong thời gian qua đã có một số tàu biển Việt Nam bị Chính quyền cảng nước ngoài lưu giữ do có khiếm khuyết liên quan đến việc bố trí kết cấu dầu cặn (dầu thải) và việc loại bỏ dầu thải (dầu cặn) từ tàu theo Quy định 12, Phụ lục I của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra (MARPOL 73/78).

Liên quan đến việc bố trí kết cấu dầu cặn (dầu thải) của tàu, tại Khóa họp thứ 59 (tháng 07 năm 2009), Ủy ban Bảo vệ môi trường biển (MEPC) của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) đã thông qua Nghị quyết MEPC.187(59) sửa đổi, bổ sung Quy định 12, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78. Đồng thời Nghị quyết MEPC.187(59) đưa ra sửa đổi, bổ sung đối với mẫu Sổ Nhật ký của tàu.

Dưới đây là một số hướng dẫn liên quan đến việc kiểm soát dầu cặn (dầu thải) và Sổ Nhật ký dầu của tàu theo quy định của Phụ lục I, Công ước MARPOL 73/78.

1. Kết cấu dầu cặn (dầu thải) theo Quy định 12 hiện tại, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78

1.1 Quy định 12 hiện tại, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 yêu cầu tất cả các tàu có tổng dung tích từ 400 trở lên phải trang bị kết cấu đủ thể tích để tiếp nhận dầu cặn (dầu thải).

1.2 Chất chứa trong kết cấu dầu cặn (sludge tank) chỉ có thể được loại bỏ phù hợp với các yêu cầu của Phụ lục I. Hình thức loại bỏ có thể được lựa chọn bao gồm:

1.2.1 Xả đến phương tiện tiếp nhận trên bờ thông qua bích nối quốc tế tiêu chuẩn;

- 1.2.2 Đốt bằng lò đốt chất thải (incinerator) của tàu;
- 1.2.3 Đốt bằng nồi hơi phụ của tàu thích hợp cho việc đốt dầu cặn; hoặc:
- 1.2.4 Phương pháp khác được Cục Đăng kiểm Việt Nam chấp nhận và được ghi trong Phụ bản của Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm do dầu (IOPP) của tàu.

1.3 Không được phép thải chất chứa trong két dầu cặn ra biển một cách trực tiếp hoặc thông qua thiết bị phân ly nước lẫn dầu. Không được có bố trí để có thể hút trực tiếp chất chứa trong két dầu cặn để đưa đến thiết bị phân ly nước lẫn dầu.

1.4 Có thể trang bị phương tiện để rút nước lắng ở đáy (settled water) của két dầu cặn. Điều này có thể thực hiện bằng cách bố trí van tự đóng thao tác bằng tay để rút nước lắng ở đáy của két dầu cặn đến két chứa nước đáy tàu lẫn dầu (oily water holding tank), hồ tự hút khô nước đáy tàu, hoặc bố trí thay thế khác, với điều kiện là bố trí như vậy không liên kết trực tiếp với hệ thống đường ống hút khô nước đáy tàu.

1.5 Không được phép sử dụng két dầu cặn theo Quy định 12, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 làm két chứa nước đáy tàu lẫn dầu.

1.6 Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 không có yêu cầu về việc trang bị két chứa nước đáy tàu lẫn dầu. Tuy nhiên, nếu được trang bị, két chứa nước đáy tàu lẫn dầu có tác dụng rất tốt trong việc thu gom nước đáy tàu, cho phép nước lắng đọng và phân tách trước khi đi qua thiết bị phân ly nước lẫn dầu. Có thể chuyển chất chứa trong két chứa nước đáy tàu lẫn dầu đến két dầu cặn, nhưng không được phép chuyển chất chứa trong két dầu cặn đến két chứa nước đáy tàu lẫn dầu.

2. Sửa đổi, bổ sung đối với Quy định 12, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78

2.1 Quy định 12, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết MEPC.187(59) không đưa ra bất kỳ yêu cầu bổ sung nào đối với việc bố trí két dầu cặn, mà chỉ nhằm mục đích trình bày các yêu cầu hiện có của quy định một cách rõ ràng hơn. Do đó, Quy định này, khi có hiệu lực (dự kiến vào ngày 01 tháng 01 năm 2011), sẽ được áp dụng đối với cả tàu mới và tàu hiện có.

2.2 Toàn bộ Nghị quyết MEPC.187(59) được đính kèm Thông báo kỹ thuật này.

3. Một số lưu ý

3.1 Để tránh việc tàu bị lưu giữ do có khiếm khuyết liên quan đến việc kiểm soát dầu cặn (dầu thải) trên tàu, đề nghị các Quý Cơ quan lưu ý:

- 3.1.1 Xác nhận không có liên kết để có thể hút chất chứa trong két dầu cặn (dầu thải) theo Quy định 12 đến thiết bị phân ly nước lẫn dầu theo Quy định 14, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78.

3.1.2 Xác nhận là việc xả từ bơm dầu cặn chuyên dùng (designated sludge pump) chỉ có thể chuyên chất chứa trong két dầu cặn (dầu thải) đến phương tiện loại bỏ dầu cặn (dầu thải) được duyệt như nêu ở mục 1.2 của Thông báo kỹ thuật này, hoặc chuyển trở lại két dầu cặn (dầu thải). Bất kỳ bố trí xả dầu cặn (dầu thải) không được phép nào cũng phải được tháo bỏ ngay.

3.2 Nếu bố trí thực tế của tàu không thoả mãn các yêu cầu nêu trên, đề nghị các Quý Cơ quan liên hệ ngay với Cục Đăng kiểm Việt Nam để có hướng dẫn cụ thể.

4. Mẫu Sổ Nhật ký dầu của tàu theo Nghị quyết MEPC.187(59)

4.1 Nghị quyết MEPC.187(59) đã sửa đổi, bổ sung Phụ bản III, Phụ lục I của Công ước MARPOL 73/78 liên quan đến thay đổi nội dung của Sổ Nhật ký dầu như sau (đề nghị xem phần đính kèm):

4.1.1 Phần I (Dùng cho tất cả các tàu): Các mục từ (A) đến (H) của Phần I được thay đổi mới.

4.1.2 Phần II (Dùng cho khu vực chứa hàng của tàu dầu): Mục (J) được thay đổi mới.

4.2 Tàu phải sử dụng mẫu Sổ Nhật ký dầu mới theo Nghị quyết MEPC.187(59) từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực (dự kiến vào ngày 01 tháng 01 năm 2011).

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 4 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 37684722

Thư điện tử: hainv@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

Nơi nhận:

-Nhu trên

-Phòng QP, CTB, CN, VRQC, MT

-Luu TB

Nguyễn Vũ Hải

ANNEX 23

RESOLUTION MEPC.187(59)

Adopted on 17 July 2009

**AMENDMENTS TO THE ANNEX OF THE PROTOCOL OF 1978 RELATING TO THE
INTERNATIONAL CONVENTION FOR THE PREVENTION OF
POLLUTION FROM SHIPS, 1973**

**(Amendments to regulations 1, 12, 13, 17 and 38 of MARPOL Annex I, Supplement to the
IOPP Certificate and Oil Record Book Parts I and II)**

THE MARINE ENVIRONMENT PROTECTION COMMITTEE,

RECALLING Article 38(a) of the Convention on the International Maritime Organization concerning the functions of the Marine Environment Protection Committee (the Committee) conferred upon it by international conventions for the prevention and control of marine pollution,

NOTING Article 16 of the International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 (hereinafter referred to as the "1973 Convention") and article VI of the Protocol of 1978 relating to the International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 (hereinafter referred to as the "1978 Protocol") which together specify the amendment procedure of the 1978 Protocol and confer upon the appropriate body of the Organization the function of considering and adopting amendments to the 1973 Convention, as modified by the 1978 Protocol (MARPOL 73/78),

HAVING CONSIDERED proposed amendments to Annex I of MARPOL 73/78,

1. ADOPTS, in accordance with Article 16(2)(d) of the 1973 Convention, the amendments to Annex I of MARPOL 73/78 concerning regulations 1, 12, 13, 17 and 38 and the Supplement to the IOPP Certificate and Oil Record Book Parts I and II, the text of which is set out in the annex to the present resolution;
2. DETERMINES, in accordance with Article 16(2)(f)(iii) of the 1973 Convention, that the amendments shall be deemed to have been accepted on 1 July 2010 unless prior, to that date, not less than one-third of the Parties or Parties the combined merchant fleets of which constitute not less than 50 per cent of the gross tonnage of the world's merchant fleet, have communicated to the Organization their objection to the amendments;
3. INVITES the Parties to note that, in accordance with Article 16(2)(g)(ii) of the 1973 Convention, the said amendments shall enter into force on 1 January 2011 upon their acceptance in accordance with paragraph 2 above;
4. REQUESTS the Secretary-General, in conformity with Article 16(2)(e) of the 1973 Convention, to transmit to all Parties to MARPOL 73/78 certified copies of the present resolution and the text of the amendments contained in the annex; and
5. REQUESTS FURTHER the Secretary-General to transmit to the Members of the Organization which are not Parties to MARPOL 73/78 copies of the present resolution and its annex.

ANNEX

AMENDMENTS TO MARPOL ANNEX I

(Amendments to regulations 1, 12, 13, 17 and 38 of MARPOL Annex I, Supplement to the IOPP Certificate and Oil Record Book Parts I and II)

Annex 1

**AMENDMENTS TO REGULATIONS 1, 12, 13, 17 AND 38
OF MARPOL ANNEX I**

Regulation 1 – Definitions

1 The following new subparagraphs .31, .32, .33 and .34 are added after existing subparagraph .30:

- “.31 **Oil residue (sludge)** means the residual waste oil products generated during the normal operation of a ship such as those resulting from the purification of fuel or lubricating oil for main or auxiliary machinery, separated waste oil from oil filtering equipment, waste oil collected in drip trays, and waste hydraulic and lubricating oils.
- .32 **Oil residue (sludge) tank means** a tank which holds oil residue (sludge) from which sludge may be disposed directly through the standard discharge connection or any other approved means of disposal.
- .33 **Oily bilge water** means water which may be contaminated by oil resulting from things such as leakage or maintenance work in machinery spaces. Any liquid entering the bilge system including bilge wells, bilge piping, tank top or bilge holding tanks is considered oily bilge water.
- .34 **Oily bilge water holding tank** means a tank collecting oily bilge water prior to its discharge, transfer or disposal.”

Regulation 12 – Tanks for oil residues (sludge)

2 Paragraph 1 is amended to read as follows:

- “1 Every ship of 400 gross tonnage and above shall be provided with a tank or tanks of adequate capacity, having regard to the type of machinery and length of voyage, to receive the oil residues (sludge) which cannot be dealt with otherwise in accordance with the requirements of this Annex.”

3 The following new paragraph 2 is inserted, after the existing paragraph 1:

“2 Oil residue (sludge) may be disposed of directly from the oil residue (sludge) tank(s) through the standard discharge connection referred to in regulation 13, or any other approved means of disposal. The oil residue (sludge) tank(s):

- .1 shall be provided with a designated pump for disposal that is capable of taking suction from the oil residue (sludge) tank(s); and
- .2 shall have no discharge connections to the bilge system, oily bilge water holding tank(s), tank top or oily water separators except that the tank(s) may be fitted with drains, with manually operated self-closing valves and arrangements for subsequent visual monitoring of the settled water, that lead to an oily bilge water holding tank or bilge well, or an alternative arrangement, provided such arrangement does not connect directly to the bilge piping system.”

4 Existing paragraphs 2 and 3 are renumbered 3 and 4, respectively.

Regulations 12, 13, 17 and 38

5 The word “sludge” in regulations 12.2, 13, 17.2.3, 38.2 and 38.7 is replaced by the words “oil residue (sludge)”.

6 The words “and other oil residues” in regulation 17.2.3 are deleted.

Annex 2

AMENDMENTS TO THE SUPPLEMENT TO THE IOPP CERTIFICATE FORM A (SHIPS OTHER THAN OIL TANKERS) AND FORM B (OIL TANKERS)

1 The existing Section 3 of the Supplement to the IOPP Certificate, Form A and Form B, is replaced by the following:

“3 Means for retention and disposal of oil residues (sludge) (regulation 12) and oily bilge water holding tank(s)*

3.1 The ship is provided with oil residue (sludge) tanks for retention of oil residues (sludge) on board as follows:

Tank identification	Tank location		Volume (m ³)
	Frames (from)-(to)	Lateral position	
Total volume:			m ³

3.2 Means for the disposal of oil residues (sludge) retained in oil residue (sludge) tanks:

3.2.1 Incinerator for oil residues (sludge), maximum capacity kW or kcal/h (delete as appropriate).....

3.2.2 Auxiliary boiler suitable for burning oil residues (sludge).....

3.2.3 Other acceptable means, state which

3.3 The ship is provided with holding tank(s) for the retention on board of oily bilge water as follows:

Tank identification	Tank location		Volume (m ³)
	Frames (from)-(to)	Lateral position	
Total volume:			m ³

”

* Oily bilgewater holding tank(s) are not required by the Convention; if such tank(s) are provided they shall be listed in Table 3.3.

2 The term “(double bottom requirements)” at the end of paragraph 5.8.2 of Form B is deleted.

3 Paragraphs 5.8.5 and 5.8.7 are replaced by the following:

“5.8.5 The ship is not subject to regulation 20 (check which box(es) apply):

- .1 The ship is less than 5,000 tonnes deadweight
- .2 The ship complies with regulation 20.1.2
- .3 The ship complies with regulation 20.1.3

“5.8.7 The ship is not subject to regulation 21 (check which box(es) apply):

- .1 The ship is less than 600 tonnes deadweight
- .2 The ship complies with regulation 19
(Deadweight tonnes \geq 5,000)
- .3 The ship complies with regulation 21.1.2
- .4 The ship complies with regulation 21.4.2
(600 \leq Deadweight tonnes < 5,000)
- .5 The ship does not carry “heavy grade oil” as defined
in regulation 21.2 of MARPOL Annex I

4 Delete paragraph 6.1.5.4 from the Supplement to the International Oil Pollution Prevention Certificate, Form B.

Annex 3

AMENDMENTS TO THE OIL RECORD BOOK PARTS I AND II

1 Sections (A) to (H) of the Oil Record Book Part I are replaced by the following:

“(A) Ballasting or cleaning of oil fuel tanks

- 1 Identity of tank(s) ballasted.
- 2 Whether cleaned since they last contained oil and, if not, type of oil previously carried.
- 3 Cleaning process:
 - .1 position of ship and time at the start and completion of cleaning;
 - .2 identify tank(s) in which one or another method has been employed (rinsing through, steaming, cleaning with chemicals; type and quantity of chemicals used, in m³);
 - .3 identity of tank(s) into which cleaning water was transferred and the quantity in m³.
- 4 Ballasting:
 - .1 position of ship and time at start and end of ballasting;
 - .2 quantity of ballast if tanks are not cleaned, in m³.

(B) Discharge of dirty ballast or cleaning water from oil fuel tanks referred to under Section (A)

- 5 Identity of tank(s).
- 6 Position of ship at start of discharge.
- 7 Position of ship on completion of discharge.
- 8 Ship's speed(s) during discharge.
- 9 Method of discharge:
 - .1 through 15 ppm equipment;
 - .2 to reception facilities.
- 10 Quantity discharged, in m³.

(C) Collection, transfer and disposal of oil residues (sludge)

- 11 Collection of oil residues (sludge).
Quantities of oil residues (sludge) retained on board. The quantity should be recorded weekly¹: (this means that the quantity must be recorded once a week even if the voyage lasts more than one week):
 - .1 identity of tank(s)
 - .2 capacity of tank(s) m³
 - .3 total quantity of retention m³
 - .4 quantity of residue collected by manual operation m³
(Operator initiated manual collections where oil residue (sludge) is transferred into the oil residue (sludge) holding tank(s).)

¹ Only those tanks listed in item 3.1 of Forms A and B of the Supplement to the IOPP Certificate used for oil residues (sludge).

- 12 Methods of transfer or disposal of oil residues (sludge).
State quantity of oil residues transferred or disposed of, the tank(s) emptied and the quantity of contents retained in m³:
- .1 to reception facilities (identify port)²;
 - .2 to another (other) tank(s) (indicate tank(s) and the total content of tank(s));
 - .3 incinerated (indicate total time of operation);
 - .4 other method (state which).

(D) Non-automatic starting of discharge overboard, transfer or disposal otherwise of bilge water which has accumulated in machinery spaces

- 13 Quantity discharged, transferred or disposed of, in m³.³
14 Time of discharge, transfer or disposal (start and stop).
15 Method of discharge, transfer, or disposal:
- .1 through 15 ppm equipment (state position at start and end);
 - .2 to reception facilities (identify port)²;
 - .3 to slop tank or holding tank or other tank(s) (indicate tank(s); state quantity retained in tank(s), in m³).

(E) Automatic starting of discharge overboard, transfer or disposal otherwise of bilge water which has accumulated in machinery spaces

- 16 Time and position of ship at which the system has been put into automatic mode of operation for discharge overboard, through 15 ppm equipment.
17 Time when the system has been put into automatic mode of operation for transfer of bilge water to holding tank (identify tank).
18 Time when the system has been put into manual operation.

(F) Condition of the oil filtering equipment

- 19 Time of system failure⁴.
20 Time when system has been made operational.
21 Reasons for failure.

(G) Accidental or other exceptional discharges of oil

- 22 Time of occurrence.
23 Place or position of ship at time of occurrence.
24 Approximate quantity and type of oil.
25 Circumstances of discharge or escape, the reasons therefor and general remarks.

² The ship's master should obtain from the operator of the reception facilities, which includes barges and tank trucks, a receipt or certificate detailing the quantity of tank washings, dirty ballast, residues or oily mixtures transferred, together with the time and date of the transfer. This receipt or certificate, if attached to the Oil Record Book Part I, may aid the master of the ship in proving that the ship was not involved in an alleged pollution incident. The receipt or certificate should be kept together with the Oil Record Book Part I.

³ In case of discharge or disposal of bilge water from holding tank(s), state identity and capacity of holding tank(s) and quantity retained in holding tank.

⁴ The condition of the oil filtering equipment covers also the alarm and automatic stopping devices, if applicable.

(H) Bunkering of fuel or bulk lubricating oil

26 Bunkering:

- .1 Place of bunkering.
- .2 Time of bunkering.
- .3 Type and quantity of fuel oil and identity of tank(s) (state quantity added, in tonnes and total content of tank(s)).
- .4 Type and quantity of lubricating oil and identity of tank(s) (state quantity added, in tonnes and total content of tank(s)).”

2 Section (J) of the Oil Record Book Part II is replaced by the following:

“(J) Collection, transfer and disposal of residues and oily mixtures not otherwise dealt with

55 Identity of tanks.

56 Quantity transferred or disposed of from each tank. (State the quantity retained, in m³.)

57 Method of transfer or disposal:

- .1 disposal to reception facilities (identify port and quantity involved);
- .2 mixed with cargo (state quantity);
- .3 transferred to or from (an)other tank(s) including transfer from machinery space oil residue (sludge) and oily bilge water tanks (identify tank(s); state quantity transferred and total quantity in tank(s), in m³); and
- .4 other method (state which); state quantity disposed of in m³.”
